|  |  |
| --- | --- |
| SỞ LAO ĐỘNG – TBXH KHÁNH HÒA  **TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ VẠN NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Mẫu 1

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ – TCNVN ngày tháng năm*

*của Hiệu trưởng trường Trung cấp Vạn Ninh)*

**Tên nghề**:

**Mã nghề**:

**Trình độ đào tạo**:

**Đối tượng tuyển sinh**:

**Thời gian đào tạo:**

**1. Mục tiêu đào tạo**

*1.1 Mục tiêu chung:*

*1.2 Mục tiêu cụ thể*

*1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp*

**2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:**

- Số lượng môn học, mô đun:

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học:

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương:

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn:

- Khối lượng lý thuyết:

- Thực hành, thực tập, thí nghiệm:

**3. Nội dung chương trình:**

| **Mã MH/MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Số chỉ** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | |
| **Lý**  **thuyết** | **Thực**  **hành** | **Kiểm**  **Tra/ Thi** |
| **I** | **Các môn học chung** |  |  |  |  |  |
| MH 01 |  |  |  |  |  |  |
| MH 02 |  |  |  |  |  |  |
| MH 03 |  |  |  |  |  |  |
| …… |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| ***II*** | **Các môn học, mô đun chuyên môn ngành nghề** |  |  |  |  |  |
| MĐ 07 |  |  |  |  |  |  |
| MĐ 08 |  |  |  |  |  |  |
| MH 09 |  |  |  |  |  |  |
| MH 10 |  |  |  |  |  |  |
| MH 11 |  |  |  |  |  |  |
| ……. |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |

**4. Chương trình môn học, môn đun đào tạo:** *(Có chương trình chi tiết kèm theo)*

**5. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

5.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho hoạt động ngoại khóa

Nội dung:

- Đơn vị thời gian trong kế hoạch đào tạo được tính bằng năm học, học kỳ, tuần và giờ học;

- Thời gian học tập trong kế hoạch đào tạo được quy đổi như sau :

+ Một giờ học Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút;

+ Một ngày học thực hành, thực tập hoặc học theo mô-đun không quá 8 giờ học;

+ Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ học.

- Mỗi tuần không học quá 40 giờ thực hành hoặc 30 giờ lý thuyết.

Hoạt động ngoại khóa:

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;

- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện học sinh;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Thời gian** |
| 1 | Thể dục, thể thao | 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày |
| 2 | Văn hóa, văn nghệ:  - Qua các phương tiện thông tin đại chúng;  - Sinh hoạt tập thể. | Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) |
| 3 | Hoạt động thư viện:  Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Tất cả các ngày làm việc trong tuần |
| 4 | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật |
| 5 | Bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn, tìm việc … | Trong giờ sinh hoạt khoa 01 lần/ 01 học kỳ |
| 6 | Thăm quan, dã ngoại | Mỗi học kỳ 1 lần |

5.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun:

Sau khi kết thúc môn học, mô đung, Nhà trường tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun theo quy định tại Quyết định số /QĐ-TCNVN ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Vạn Ninh về việc "Ban hành Quy chế thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế".

Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô-đun:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số giờ môn học, mô-đun** | **Lý thuyết** | **Thực hành/tích hợp** |
| 1 | Từ 30 - dưới 60 | 60 phút | 4 giờ |
| 2 | Từ 60 **-**  dưới 120 | 90 phút | 4 giờ |
| 3 | Từ 120 trở lên | 120 phút | 4 - 8 giờ |

5.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Sau khi kết thúc môn học, mô đung, Nhà trường tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun theo quy định tại Quyết định số /QĐ-TCNVN ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Vạn Ninh về việc "Ban hành Quy chế thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế". Thời gian làm bài thi tốt nghiệp:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Môn thi** | **Hình thức thi** | **Thời gian thi** |
| 1 | Chính trị | Viết | 120 phút |
| 2 | Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp | Viết | 120 phút |
| 3 | Thực hành nghề nghiệp | Thục hành | 240 phút |

Ngoài ra, tùy theo tình hình thực tế, Hiệu trưởng có thể tổ chức triển khai thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp hoặc luận văn tốt nghiệp đối với học sinh, sinh viên hoặc nhóm học sinh, sinh viên có đủ điều kiện. Điểm đánh giá đề tài khóa luận tốt nghiệp hoặc luận văn tốt nghiệp thay cho điểm thi tốt nghiệp lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp và thực hành nghề nghiệp.

*Vạn Ninh, ngày tháng năm 202..*

**HIỆU TRƯỞNG**